

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015
đã được soát xét*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	5 – 35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **27.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 35).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện pháp luật của Công ty
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Vinh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/9/2015
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/6/2015
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015



Số: 396/2015/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015
của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được lập ngày 10 tháng 11 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 35 kèm theo.

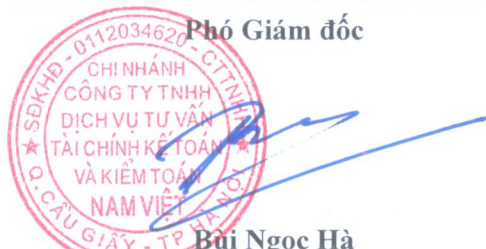
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Kiểm toán viên



Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

11/20/15 10:44:41/011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.970.299.758	80.774.987.007
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.652.343.908	7.682.501.337
1.	Tiền	111	V.01	1.902.343.908	3.932.501.337
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.750.000.000	3.750.000.000
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.028.452.212	21.622.312.672
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	8.767.447.427	17.486.913.444
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.012.077.085	1.618.308.899
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.248.927.700	2.517.090.329
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	68.586.658.362	51.224.238.412
1.	Hàng tồn kho	141		68.586.658.362	51.224.238.412
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		702.845.276	245.934.586
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	53.035.679	145.209.569
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		631.806.402	82.721.822
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	18.003.195	18.003.195
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

2015
 HI
 IG
 IV
 HƯ
 KII
 AI
 A

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.521.345.628	24.921.676.523
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		44.380.000	291.880.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		44.380.000	291.880.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		11.201.603.619	9.829.275.774
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	11.162.146.750	9.784.876.291
	- Nguyên giá	222		45.737.220.740	45.420.970.195
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34.575.073.990)	(35.636.093.904)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	39.456.869	44.399.483
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(55.543.131)	(50.600.517)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	7.309.525.964	7.474.754.480
1.	Nguyên giá	231		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(951.899.839)	(786.671.323)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	2.672.339.821	2.986.741.866
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.672.339.821	2.986.741.866
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.200.000.000	1.200.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.093.496.224	3.139.024.403
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.093.496.224	3.139.024.403
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		114.491.645.386	105.696.663.530

11/31/2018 11:11 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		89.058.575.397	75.065.265.241
I.	Nợ ngắn hạn	310		87.196.389.193	70.484.882.519
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.569.294.871	402.240.138
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.430.989.847	13.575.976.957
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	90.803.622	6.043.243.812
4.	Phải trả người lao động	314		134.720.124	673.967.123
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	181.414.382
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	364.579.701	2.565.964.582
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	61.604.430.275	47.024.054.772
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	18.020.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		1.862.186.204	4.580.382.722
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	509.488.387	509.488.387
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	17.782.142	17.782.142
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.334.915.675	4.053.112.193
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

414 Y T K 11 V 11

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.433.069.989	30.631.398.289
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	25.394.284.989	30.600.238.289
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.081.470.472)	2.124.482.828
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		304.482.828	221.161.651
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(3.385.953.300)	1.903.321.177
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	38.785.000	31.160.000
1.	Nguồn kinh phí	431		38.785.000	31.160.000
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		114.491.645.386	105.696.663.530

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	20.061.192.067	18.166.635.276
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	125.529.545	904.854.917
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.935.662.522	17.261.780.359
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	17.751.372.337	15.959.078.001
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.184.290.185	1.302.702.358
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	91.384.471	113.450.842
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	2.759.603.194	2.076.172.470
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.758.694.114	2.076.172.470
8.	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-	-
9.	Chi phí bán hàng	24	VI.08	969.036.072	1.686.968.888
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	2.769.826.771	2.778.925.838
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.222.791.381)	(5.125.913.996)
12.	Thu nhập khác	31	V.06	1.000.203.788	-
13.	Chi phí khác	32	V.07	163.365.707	62.016.000
14.	Lợi nhuận khác	40		836.838.081	(62.016.000)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.385.953.300)	(5.187.929.996)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(3.385.953.300)	(5.187.929.996)
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			(3.385.953.300)	(5.187.929.996)
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.09	(1.254)	(1.921)
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.10	(1.254)	Không áp dụng

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		38.642.467.977	41.788.200.041
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(31.411.599.016)	(28.244.295.644)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.711.345.849)	(4.408.643.367)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(2.347.917.843)	(3.576.172.470)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(455.711.356)	(159.488.706)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		53.598.021	295.000.597
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.566.510.634)	(2.427.362.741)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.797.018.700)	3.267.237.710
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.092.164.500)	(810.477.955)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.069.090.909	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		91.384.471	113.450.842
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(931.689.120)	(697.027.113)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		44.157.845.708	35.166.471.500
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(32.839.295.317)	(39.436.179.695)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.620.000.000)	(1.215.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.698.550.391	(5.484.708.195)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.030.157.429)	(2.914.497.598)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.682.501.337	7.867.623.577
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.652.343.908	4.953.125.979

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số các công ty con: 02 công ty.

Các công ty con được hợp nhất như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư này thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do có một số thay đổi theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BTC so với Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC nhưng không yêu cầu điều chỉnh hồi tố nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ của năm kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

03. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	25 năm
-----------	--------

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.052.392.204	1.736.136.282
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	849.951.704	2.196.365.055
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>1.902.343.908</u>	<u>3.932.501.337</u>

CHÍNH SÁCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000
Cộng	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	8.767.447.427	17.486.913.444
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	1.798.100.726	3.148.100.726
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	6.969.346.701	14.338.812.718
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	8.767.447.427	17.486.913.444

04. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	3.248.927.700	-	2.517.090.329	-
- Phải thu của người lao động	35.867.514	-	-	-
- Tạm ứng	1.598.494.790	-	848.319.890	-
- Phải thu ngắn hạn khác	1.614.565.396	-	1.668.770.439	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	3.248.927.700	-	2.517.090.329	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	7.147.978.678	-	5.029.126.218	-
- Công cụ, dụng cụ	619.007.015	-	631.320.821	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.782.560.780	-	33.802.196.943	-
- Thành phẩm	12.405.104.932	-	7.289.168.421	-
- Hàng hoá	977.552.462	-	1.045.552.728	-
- Hàng gửi bán	3.654.454.495	-	3.426.873.281	-
Cộng	68.586.658.362	-	51.224.238.412	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.454.595.277	28.459.895.758	2.510.517.690	349.239.818	1.646.721.652	45.420.970.195
- Mua trong kỳ	-	1.594.600.000	394.952.000	-	-	1.989.552.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	417.014.545	-	-	-	-	417.014.545
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.090.316.000)	-	-	-	(2.090.316.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.871.609.822	27.964.179.758	2.905.469.690	349.239.818	1.646.721.652	45.737.220.740
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.295.001.125	23.615.055.288	1.316.569.189	340.883.820	1.068.584.482	35.636.093.904
- Khấu hao trong kỳ	175.362.564	621.270.831	104.189.384	4.624.062	54.962.124	960.408.965
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.021.428.879)	-	-	-	(2.021.428.879)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.470.363.689	22.214.897.240	1.420.758.573	345.507.882	1.123.546.606	34.575.073.990
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	3.159.594.152	4.844.840.470	1.193.948.501	8.355.998	578.137.170	9.784.876.291
2. Tại ngày cuối kỳ	3.401.246.133	5.749.282.518	1.484.711.117	3.731.936	523.175.046	11.162.146.750

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 15.669.540.613 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.115.127.440 đồng và 3.584.555.726 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>40.258.513</i>	<i>10.342.004</i>	<i>50.600.517</i>
- Khấu hao trong kỳ	2.755.116	2.187.498	4.942.614
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>43.013.629</i>	<i>12.529.502</i>	<i>55.543.131</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>19.741.487</i>	<i>24.657.996</i>	<i>44.399.483</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>16.986.371</i>	<i>22.470.498</i>	<i>39.456.869</i>

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>2.672.339.821</i>	<i>2.986.741.866</i>
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	2.672.339.821	2.986.741.866
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
+ Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	284.684.221	182.071.721
+ Công trình 323 Vĩnh Hưng	484.304.545	901.319.090
- Sửa chữa lớn	-	-
Cộng	2.672.339.821	2.986.741.866

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	786.671.323	165.228.516	-	951.899.839
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	786.671.323	165.228.516	-	951.899.839
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	7.474.754.480	-	165.228.516	7.309.525.964
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.474.754.480	-	165.228.516	7.309.525.964
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	53.035.679	145.209.569
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	8.000.000	23.564.568
- Phí bảo hiểm	39.392.498	100.020.001
- Các khoản khác	5.643.181	21.625.000
b) Dài hạn	3.093.496.224	3.139.024.403
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	294.814.495	516.829.205
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.590.668.358	2.622.195.198
- Sửa chữa TSCĐ	139.384.934	-
- Các khoản khác	68.628.437	-
Cộng	3.146.531.903	3.284.233.972

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	47.024.054.772	47.024.054.772	45.285.294.138	30.704.918.635	61.604.430.275	61.604.430.275
- Vay ngắn hạn	29.239.711.319	29.239.711.319	30.113.165.708	20.971.004.817	38.381.872.210	38.381.872.210
+ Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội - Tây Hồ ^(a)	9.366.190.136	9.366.190.136	2.498.937.832	5.930.763.206	5.934.364.762	5.934.364.762
+ Ngân hàng BIDV-CN Hai Bà Trưng ^(b)	5.599.625.183	5.599.625.183	13.321.127.788	3.311.625.183	15.609.127.788	15.609.127.788
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	14.273.896.000	14.273.896.000	14.293.100.088	11.728.616.428	16.838.379.660	16.838.379.660
- Vay đối tượng khác	17.784.343.453	17.784.343.453	14.588.308.594	9.733.913.818	22.638.738.229	22.638.738.229
+ Công ty Thương mại dịch vụ Tráng Thị	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-
+ Các cá nhân ^(d)	14.784.343.453	14.784.343.453	14.588.308.594	6.733.913.818	22.638.738.229	22.638.738.229
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	583.819.836	-	583.819.836	583.819.836
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	583.819.836	-	583.819.836	583.819.836
b. Vay dài hạn	4.053.112.193	4.053.112.193	-	2.718.196.518	1.334.915.675	1.334.915.675
Từ 1 năm đến 5 năm	4.053.112.193	4.053.112.193	-	2.718.196.518	1.334.915.675	1.334.915.675
- Vay ngắn hạn	4.053.112.193	4.053.112.193	-	2.718.196.518	1.334.915.675	1.334.915.675
+ Ngân hàng Công thương VN - Sở Giao dịch 1	1.842.466.064	1.842.466.064	-	1.842.466.064	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.210.646.129	2.210.646.129	-	875.730.454	1.334.915.675	1.334.915.675
Cộng	51.077.166.965	51.077.166.965	45.285.294.138	33.423.115.153	62.939.345.950	62.939.345.950

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 05 xe ô tô và 03 xe nâng hàng, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(e) Khoản vay dài hạn bằng tín chấp tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua tank và ô tô, lãi suất 9,5%/năm - 9,6%/năm.

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	2.569.294.871	2.569.294.871	402.240.138	402.240.138
- Công ty Cổ phần XNK Lương thực Thực phẩm Hà Nội - CN Kinh doanh tổng hợp	2.122.500.000	2.122.500.000	-	-
- Bà Đỗ Thị Vân (Ba Vi)	-	-	247.968.000	247.968.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	446.794.871	446.794.871	154.272.138	154.272.138
b) Phải trả người bán dài hạn	509.488.387	509.488.387	509.488.387	509.488.387
- Công ty Cổ phần Dầu tư Hạ tầng & Công trình Kiến trúc Hà Nội	443.786.433	443.786.433	443.786.433	443.786.433
- Phải trả dài hạn cho các người bán khác	65.701.954	65.701.954	65.701.954	65.701.954
Cộng	3.078.783.258	3.078.783.258	911.728.525	911.728.525

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ		
- Thuế giá trị gia tăng	818.269	2.100.462.863	-	2.100.462.863	818.269	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.459.529.412	93.512.591	3.537.891.204	-	15.150.799
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.184.926	455.711.356	-	455.711.356	17.184.926	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	27.540.181	122.092.563	73.979.921	-	75.652.823
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.989.725.143	1.989.725.143	-	-
Cộng	18.003.195	6.043.243.812	2.205.330.297	8.157.770.487	18.003.195	90.803.622

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	181.414.382
- Chi phí lãi vay	-	70.814.382
- Chi phí hỗ trợ bán hàng với các đại lý	-	95.000.000
- Các khoản trích trước khác	-	15.600.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	181.414.382

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	364.579.701	2.565.964.582
- Kinh phí công đoàn	132.033.989	138.727.454
- Bảo hiểm y tế	10.385.209	1.573.200
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.472.605	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	217.687.898	2.425.663.928
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền hỗ trợ vốn bán hàng bình ổn giá</i>	-	2.000.000.000
+ <i>Lãi vay phải trả</i>	-	109.292.958
+ <i>Các đối tượng khác</i>	217.687.898	316.370.970
b) Dài hạn	17.782.142	17.782.142
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.782.142	17.782.142
Cộng	382.361.843	2.583.746.724

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.863.277.098	1.436.161.651	30.299.438.749
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	1.903.321.177	1.903.321.177
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.215.000.000)	(1.215.000.000)
Giảm khác	-	(387.521.637)	-	(387.521.637)
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Số dư đầu năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	(3.385.953.300)	(3.385.953.300)
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.820.000.000)	(1.820.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	27.000.000.000	1.475.755.461	(3.081.470.472)	25.394.284.989

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	40	10.800.000.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	16.200.000.000	60	16.200.000.000	60
Cộng	27.000.000.000	100	27.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/9/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.620.000.000	1.215.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.620.000.000	1.215.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

f. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	1.475.755.461	1.475.755.461

17. Nguồn kinh phí

	Từ 01/01/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/9/2014
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	38.785.000	31.160.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	38.785.000	31.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Doanh thu bán hàng bán	17.744.504.287	13.389.429.942
- Doanh thu bán thành phẩm	581.495.352	1.091.064.403
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	2.927.504.568
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.735.192.428	758.636.363
Cộng	20.061.192.067	18.166.635.276

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Chiết khấu thương mại	54.273.890	164.777.937
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	71.255.655	740.076.980
Cộng	125.529.545	904.854.917

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.399.204.382	13.441.282.423
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	136.402.692	44.834.736
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.297.360.864
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	215.765.263	175.599.978
Cộng	17.751.372.337	15.959.078.001

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	91.384.471	113.450.842
Cộng	91.384.471	113.450.842

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Lãi tiền vay	2.758.694.114	2.076.172.470
- Chi phí tài chính khác	909.080	-
Cộng	2.759.603.194	2.076.172.470

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Thu thanh lý tài sản cố định	1.000.203.788	-
Cộng	1.000.203.788	-

07. Chi phí khác

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Các khoản bị phạt	163.236.240	-
- Các khoản khác	129.467	62.016.000
Cộng	163.365.707	62.016.000

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.769.826.771
- Chi phí nhân viên quản lý	1.279.638.337
- Chi phí vật liệu quản lý	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	41.576.066
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	267.218.858
- Chi phí bằng tiền khác	1.181.393.510
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	969.036.072
- Chi phí nhân viên	676.121.665
- Chi phí vật liệu, bao bì	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	64.408.396
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.396.547
- Chi phí bằng tiền khác	199.109.464
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-
Cộng	3.738.862.843

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	(3.385.953.300)	(5.187.929.996)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.385.953.300)	(5.187.929.996)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.254)	(1.921)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	(3.385.953.300)	
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.385.953.300)	Không áp dụng
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.700.000	
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.254)	

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015	Từ 01/4/2014 đến 30/9/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.084.622.765	7.751.023.042
- Chi phí nhân công	4.627.852.046	5.892.562.514
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.130.580.095	1.055.457.060
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	634.313.668	478.813.355
- Chi phí khác bằng tiền	3.709.962.572	1.303.103.093
Cộng	19.187.331.146	16.480.959.064

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/4/2015 đến 30/9/2015
Tiền lương	201.240.655
Cộng	201.240.655

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

03. Thay đổi chính sách kế toán

Trong kỳ, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Cho thuê tài sản và dịch vụ khác;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

30
H
T
M
V

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Đơn vị tính: VND Cộng
Từ ngày 01/4/2015 đến ngày 30/9/2015				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	455.965.807	17.744.504.287	1.735.192.428	19.935.662.522
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	282.944.605	23.102.074.111	773.435.187	24.158.453.903
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	173.021.202	(5.357.569.824)	961.757.241	(4.222.791.381)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.003.813.221	597.425.265	58.629.604	2.659.868.090
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	969.528.897	382.048.491	165.228.516	1.516.805.904
Số dư tại ngày 30/9/2015				
- Tài sản thực tiếp của bộ phận	62.788.131.019	34.302.441.233	10.548.729.226	107.639.301.478
- Tài sản không phân bổ				6.852.343.908
Tổng tài sản	62.788.131.019	34.302.441.233	10.548.729.226	114.491.645.386
- Nợ phải trả bộ phận	2.036.899.900	79.268.617.179	7.751.487.565	89.057.004.644
- Nợ phải trả không phân bổ				1.570.753
Tổng nợ phải trả	2.036.899.900	79.268.617.179	7.751.487.565	89.058.575.397

Khu vực địa lý kinh doanh:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Đơn vị tính: VND
Từ ngày 01/4/2014 đến ngày 30/9/2014					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-69.878.181	13.505.761.247	2.927.504.568	758.636.363	17.261.780.359
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	72.055.005	18.702.301.635	3.437.737.737	175.599.978	22.387.694.355
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(2.176.824)	(5.196.540.388)	(510.233.169)	583.036.385	(5.125.913.996)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	847.276.592	-	-	-	847.276.592
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	632.011.549	397.704.471	86.206.296	175.599.978	1.291.522.294
Số dư tại ngày 30/9/2014					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	57.711.925.750	27.461.154.992	5.952.471.335	10.293.705.033	101.419.257.110
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	7.791.963.045
Tổng tài sản	57.711.925.750	27.461.154.992	5.952.471.335	10.293.705.033	109.211.220.155
- Nợ phải trả bộ phận	351.358.761	67.909.145.094	14.719.964.972	2.303.082.576	85.283.551.402
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	351.358.761	67.909.145.094	14.719.964.972	2.303.082.576	85.283.551.402

Khu vực địa lý kinh doanh:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.652.343.908	-	7.682.501.337	-	5.652.343.908	7.682.501.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.382.012.823	-	17.778.793.444	-	10.382.012.823	17.778.793.444
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	17.234.356.731	-	26.661.294.781	-	17.234.356.731	26.661.294.781

Giá trị sổ sách

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.078.783.258	911.728.525	3.078.783.258	911.728.525
Vay và nợ	62.939.345.950	51.077.166.965	62.939.345.950	51.077.166.965
Chi phí phải trả	-	181.414.382	-	181.414.382
Các khoản phải trả khác	235.470.040	2.443.446.070	235.470.040	2.443.446.070
Cộng	66.253.599.248	54.613.755.942	66.253.599.248	54.613.755.942

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán
 Vay và nợ
 Chi phí phải trả
 Các khoản phải trả khác
Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số V.06 và V.11).

07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	2.569.294.871	509.488.387	-	3.078.783.258
Vay và nợ	61.604.430.275	1.334.915.675	-	62.939.345.950
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	217.687.898	17.782.142	-	235.470.040
Cộng	64.391.413.044	1.862.186.204	-	66.253.599.248
Số đầu năm				-
Phải trả cho người bán	402.240.138	509.488.387	-	911.728.525
Vay và nợ	47.024.054.772	4.053.112.193	-	51.077.166.965
Chi phí phải trả	181.414.382	-	-	181.414.382
Các khoản phải trả khác	2.425.663.928	17.782.142	-	2.443.446.070
Cộng	50.033.373.220	4.580.382.722	-	54.613.755.942

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/4/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC kết thúc tại ngày 31/3/2015		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC từ ngày 01/4/2015 đến ngày 30/9/2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	848.319.890	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Trả trước cho người bán dài hạn	291.880.000	Phải thu dài hạn khác	218	Trả trước cho người bán dài hạn	212
3	Quỹ dự phòng tài chính	1.475.755.461	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà